

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày: 07/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tin
2. Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXX-HS ngày 03/8/2020 với bị cáo:

Lê Văn V, sinh năm 1994, Nơi cư trú: B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1964 và bà là Bùi Thị N2(chết ngày 26/6/2020); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/04/2020, chuyển tạm giam từ ngày 20/04/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

***Người bào chữa cho bị cáo V:** Bà Lê Thị Thu Hiền – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh D. Có mặt

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1964. Có mặt
Địa chỉ: KDC B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D.

2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Khu B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D.

3. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: KDC K, phường S, thị xã M, tỉnh D

(ông B, chị N ủy quyền cho chị N1 tham gia tố tụng tại phiên tòa).

** Người có nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Duy T1, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu B 1, phường T, thị xã M, tỉnh D.

**Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1961. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 7, phường P, thị xã M, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/4/2020, Lê Văn V đang ở nhà tại B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D có đối tượng Du Chin (không rõ họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ) là bạn quen biết xã hội đến chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện, V hỏi Du Chin biết chỗ nào bán ma túy đá thì giới thiệu cho V. Du Chin đồng ý lấy điện thoại ra gọi cho đối tượng L không rõ họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ rồi đưa điện thoại cho V nói chuyện. V hỏi mua của L 600.000 đồng tiền ma túy đá kèm theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, L đồng ý và hẹn gặp V tại khu vực bán gốm sứ ở Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó V mượn điện thoại của Du Chin rồi lấy xe đạp mini màu xanh của gia đình V đi đến khu vực bán gốm sứ ở Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh mua của L được 03 túi nilon bên trong chứa ma túy đá và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy với giá 600.000 đồng đem về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, V về nhà gặp Du Chin ở cổng, V trả điện thoại cho Du Chin rồi Du Chin ra về.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, V mượn điện thoại Nokia 105 màu đen bên trong lắp sim 0366.955.025 của mẹ đẻ là bà Bùi Thị N2, sinh năm 1959, cùng trú tại B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D gọi điện rủ Trần Duy T1, sinh năm 1990, trú tại B 1, phường T, thị xã M, tỉnh D đi sử dụng ma túy đá, T1 đồng ý. Sau đó V cho 03 túi nilon bên trong chứa ma túy đá và bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã mua trước đó vào 01 túi xách bằng vải dù màu nâu có quai đeo, nhãn hiệu Haogunlai đeo trên người rồi đi xe đạp đến nhà T1. V và T1 đi ra khu vực trước cổng nhà T1, V lấy ra 02 túi nilon bên trong chứa ma túy đá và bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi cùng T1 sử dụng hết 02 túi ma túy trên. Túi ma túy còn lại V vẫn

để trong túi, V cất giấu mục đích để sử dụng và không nói cho T1 biết. Sau khi sử dụng ma túy xong, V cho bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào túi xách và đeo trên người, điều khiển xe đạp chở T1 đi chơi. Đến 22 giờ 40 phút cùng ngày, khi V chở T1 đi đến khu vực cổng nhà máy Tân Nguyên thuộc Khu 2, phường P, thị xã M, tỉnh D thì bị Tổ công tác của Công an thị xã M phối hợp, Công an phường P trong khi làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của V 01 túi nilon kích thước 1,7x02cm bên trong chứa các tinh thể màu trắng, 01 túi xách kích thước (23x25x4)cm bằng vải dù màu nâu có quai đeo nhãn hiệu Haogunlai, 01 xe đạp mini màu xanh, 01 công thủy tinh, 01 lọ thủy tinh, 01 máy lửa và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen bên trong lắp sim 0366.955.025; thu của T1 01 điện thoại màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Microsoft bên trong lắp sim 0347.556.784 và 0965.981.722.

Tại bản Kết luận giám định số 188/KLGD-PC09 ngày 20/04/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an an tỉnh D kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng ghi thu của Lê Văn V (niêm phong trong phong bì ký hiệu M1) gửi đến giám định khối lượng là 0,253g là ma túy loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Hoàn lại đối tượng giám định: 0,189 g Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lê Văn V thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT - VKS ngày 11/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Lê Văn V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Cáo trạng VKSND thị xã M đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội trở về nhà.

- Đại diện VKSND thị xã M giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Đề nghị áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 12 đến 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 17/4/2020.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy số ma túy trong vụ án (mẫu ma túy hoàn lại sau giám định), mẫu ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 188/KLGD-PC09 ngày 20/04/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh D.

+ Đối với 01 xe đạp mini màu xanh, 01 điện thoại Nokia 105 thu giữ của bị cáo V, xác định là tài sản của ông B, bà N2(bố mẹ của bị cáo V), bà N2 chết vào ngày 26/6/2020. Ông B và các hàng thừa kế của bà N2 đã Ủy quyền cho chị N1(con gái ông B, bà N2) đại diện nhận lại tài sản nên cần thiết trả lại các tài sản này cho chị N1 tài sản trên là phù hợp với pháp luật.

+ Đối với 01 túi xách nhãn hiệu Haogunlai của bị cáo; 01 coong thủy tinh; 01 lọ thủy tinh, 01 máy lửa không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft(màn hình cảm ứng) của anh Trần Duy T1, đây là phương tiện vi phạm hành chính nên cần tịch thu cho phát mại để sung vào công quỹ nhà nước. Đối với sim điện thoại số thuê bao 0347.556.784 và 0965.981.722 kèm theo chiếc điện thoại của T1 xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Án phí: Bị cáo thuộc đối diện hộ cận nghèo, căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 UBTVQH, bị cáo không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

- *Bà Lê Thị Thu Hiền người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa cho bị cáo:* Về tội danh nhất trí với tội danh Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Nhất trí với tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Tuy nhiên về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét điều kiện hoàn cảnh, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo mức án 12 tháng tù. Về án phí, bị cáo thuộc hộ cận nghèo căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã M; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn V khai nhận, do bị nghiện ma túy bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo thừa nhận gói ma túy thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang là của bị cáo, bị cáo cất giấu với mục đích để sử dụng cho bản thân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong và Kết luận của cơ quan giám định, cũng như tang vật chứng đã thu giữ.

Đã có đủ căn cứ kết luận: vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 17/4/2020, tại khu vực cổng nhà máy Tân Nguyên thuộc khu 2, phường P, thị xã M, tỉnh D, Lê Văn V có hành vi cất giấu tại túi xách đeo trên người 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,253g thì bị tổ công tác của Công an thị xã M phối hợp, Công an phường P trong khi làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy và sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng không những gây tác hại cho sức khỏe, mà còn làm suy thoái phẩm giá con người, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên bị cáo hoàn toàn thấy được tác hại của ma túy đối với con người và xã hội, nhận thức được ma túy là chất mà Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán,... song do coi thường pháp luật, bị cáo đã cố ý cất giữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng. Do vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi bị cáo đã thực hiện và cách ly khỏi bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng thuộc hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng*: Số ma túy đã thu giữ trong vụ án, sau khi giám định thì Cơ quan giám định hoàn lại mẫu ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 188/KLGD-PC09 ngày 20/04/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh D, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 xe đạp mini màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen bên trong lắp sim 0366.955.025. Quá trình điều tra xác định, tài sản thu giữ là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Lê Văn B và bà là Bùi Thị N2, khi bị cáo V mượn và sử dụng vào việc phạm tội, ông B, bà N2 không biết. Do vậy, cần thiết phải trả cho ông B, bà N2 các tài sản này là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 26/6/2020 bà N2 đã chết, ông B và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N2 đã Ủy quyền cho bà Lê Thị N1 (con gái bà N2, ông B) tham gia tố tụng trong vụ án và đề nghị được xin lại tài sản. Do vậy, trả lại tài sản 01 xe đạp; 01 điện thoại Nokia 105 cho người đại diện theo Ủy của ông B và hàng thừa kế của bà N2 đại diện đứng ra nhận tài sản là chị Lê Thị N1 là phù hợp.

+ **Đối với** 01 túi xách nhãn hiệu Haogunlai của bị cáo; 01 coong thủy tinh; 01 lọ thủy tinh, 01 máy lửa không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ **Đối với** 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft (màn hình cảm ứng) của anh Trần Duy T1, đây là phương tiện liên lạc về hành vi phạm hành chính nên cần tịch thu cho phát mại để sung vào công quỹ nhà nước. Đối với sim điện thoại số thuê bao 0347.556.784 và 0965.981.722 kèm theo chiếc điện thoại của T1 xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với Trần Duy T1 là người đi cùng với Lê Văn V. Quá trình điều tra xác định T1 không biết việc Lê Văn V tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã M không đặt ra việc xử lý đối với T1 là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Du Chin có hành vi gọi điện giúp V để V mua ma túy của đối tượng tên là L ở Đông Triều. V không biết tên và địa chỉ của Du Chin là ai, địa chỉ ở đâu. Quá trình điều tra chưa xác định được các đối tượng Du Chin và L là ai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn V và Trần Duy T1 không cấu thành tội phạm. Công an thị xã M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn V và Trần Duy T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Án phí: Bị cáo V thuộc diện hộ cận nghèo, căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, bị cáo không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- *Căn cứ:* điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

+ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- *Hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Lê Văn V 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 17/4/2020.

- *Xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu và tiêu hủy số ma túy trong vụ án (mẫu ma túy hoàn lại sau giám định), mẫu ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 188/KLGD-PC09 ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh D.

Trả lại cho gia đình ông Lê Văn B, sinh năm 1964, Địa chỉ: KDC B 2, phường T, thị xã M, tỉnh D 01 xe đạp mini màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, imel 35581609668542(kèm theo sim điện thoại trong máy). Chị Lê Thị N1, sinh năm 1992, KDC Kim Xuyên 4, phường S, thị xã M, tỉnh D là người đại diện đứng ra nhận lại tài sản.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 túi xách, màu nâu; 01 coong thủy tinh; 01 lọ thủy tinh, 01 máy lửa(đều đã qua sử dụng).

+ Tịch thu 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft, màu đen (màn hình cảm ứng), imel: 359738060002542 của anh Trần Duy T1 cho phát mại để sung vào công quỹ nhà nước. Đối với sim điện thoại số thuê bao 0347.556.784 và 0965.981.722 kèm theo chiếc điện thoại của T1 xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/8/2020 giữa Công an thị xã M và Chi cục thi hành án dân sự thị xã M).

- **Án phí:** Bị cáo Lê Văn V không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, có mặt người bào chữa cho bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HD;
- VKSND thị xã M;
- Trại tạm giam - CA tỉnh D;
- Cơ quan điều tra CA thị xã M;
- THA hình sự công an thị xã M;
- Sở Tư pháp tỉnh D;
- Bị cáo;
- Người có nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh